

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Cần Thơ (Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết thi hành khoản 4, khoản 6 Điều 24; khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 27; khoản 3 Điều 28; khoản 6 Điều 74; khoản 2 Điều 75; khoản 6 Điều 84 Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 (sau đây gọi chung là Luật Thi đua, khen thưởng); khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi chung là Nghị định số 152/2025/NĐ-CP).

2. Những nội dung về công tác thi đua, khen thưởng không quy định trong Quy định này, thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với tập thể, cá nhân, hộ gia đình người Việt Nam; tập thể, cá nhân người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích tham gia phong trào thi đua của thành phố hoặc có đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xét thi đua, khen thưởng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan, đơn vị thành phố bao gồm: sở, ban, ngành, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố (bao gồm các tổ chức đoàn thể), các hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ; đơn vị sự nghiệp thành phố.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thành phố là người đứng đầu của cơ quan cấp thành phố quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đơn vị trực thuộc là đơn vị có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, trực tiếp chịu sự quản lý điều hành của cơ quan, đơn vị thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác.

4. Hội thi bao gồm: các cuộc thi, hội thi, hội diễn, liên hoan, giải thi đấu thể thao và tương đương.

5. Hội thi cấp thành phố là hội thi do các cơ quan, đơn vị thành phố tổ chức theo Kế hoạch được cấp có thẩm quyền thống nhất chủ trương.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 4. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng; khoản 5 Điều 2 Thông tư số 15/2025/TT-BNV ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng công nhân không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng và đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm;
- b) Chấp hành tốt các nội quy, quy trình sản xuất; có ý thức tổ chức kỷ luật; trong lao động, sản xuất có sáng tạo, sáng kiến cải tiến kỹ thuật hoặc áp dụng cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động.

3. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này gương mẫu chấp hành tốt các quy định nơi cư trú; áp dụng kỹ thuật tiên bộ trong lao động, sản xuất; có cách làm mang lại hiệu quả cao trong lao động, sản xuất được cộng đồng suy tôn, công nhận và đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 5. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân thành phố”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân thành phố” được xét tặng hằng năm đối với các tập thể tiêu biểu xuất sắc trong số các tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức, đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Được các thành viên trong cụm, khối thi đua bình xét, đánh giá, so sánh và bỏ phiếu tín nhiệm suy tôn;
- b) Hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao, được cơ quan có thẩm quyền đánh giá, xếp loại là tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm;
- c) Có phong trào thi đua được tổ chức thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể, đơn vị khác trong, ngoài thành phố học tập;

d) Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể được cơ quan có thẩm quyền đánh giá, công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.

2. Tặng tập thể đã được đề nghị tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” nhưng không được xét tặng do chưa đảm bảo hồ sơ, thủ tục theo quy định chung; không xem xét, tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân thành phố” đối với tập thể không được tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” do có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về hành vi vi phạm của tập thể dẫn tới không đảm bảo tiêu chuẩn khen thưởng.

3. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân thành phố” tặng tập thể dẫn đầu Phong trào thi đua theo chuyên đề do thành phố phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Tổ chức, triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung của phong trào thi đua theo chuyên đề do thành phố phát động; ban hành đầy đủ các văn bản thực hiện phong trào thi đua; có tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào thi đua và khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong thực hiện phong trào theo thẩm quyền;

b) Hoàn thành 100% trở lên các chỉ tiêu thi đua, nhiệm vụ đã đăng ký hoặc được giao trong phong trào;

c) Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian tính thành tích để xét khen thưởng;

d) Được cụm, khối thi đua hoặc Ban Chỉ đạo cấp thành phố hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ thường trực triển khai phong trào và các cơ quan liên quan xét, chọn và đề nghị.

Điều 6. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” để tặng hằng năm cho các đối tượng sau:

a) Các phòng, ban và tương đương, đơn vị thuộc và trực thuộc các cơ quan, đơn vị thành phố;

b) Các phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc Đảng ủy, Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường (*bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội*);

c) Trường học theo phân cấp quản lý trên địa bàn thành phố (trừ đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này), trung tâm, chi cục, bệnh viện và tương đương; các khoa, phòng và tương đương thuộc các trường đại học, cao đẳng, bệnh viện, trung tâm;

d) Doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác thuộc thành phố (trừ các tập đoàn kinh tế, tổng công ty); các đơn vị trực thuộc như chi nhánh, văn phòng đại diện, xí nghiệp, phòng, ban, phân xưởng và tương đương.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” để tặng tập thể đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 7. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” để tặng hằng năm cho các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy định này.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” để tặng cho tập thể đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng.

Chương III HÌNH THỨC, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 8. Tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, xét tặng cho tập thể, hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

1. Khen thưởng thành tích công trạng (thành tích công tác năm):

a) Cá nhân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng;

b) Tập thể đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng;

c) Đối với tập thể thuộc cụm, khối thi đua các đơn vị thuộc thành phố: hoàn thành 100% các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; cơ quan, đơn vị, tổ chức đảng, đoàn thể (nếu có) được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; tích cực tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả; thực hiện nghiêm các quy định cụm, khối thi đua; được bình xét, suy tôn thông qua cụm, khối thi đua.

2. Khen thưởng thành tích chuyên đề:

a) Đạt thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phát động, đạt chất lượng, hiệu quả, đóng góp thiết thực và hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác của địa phương, cơ quan, đơn vị. Số lượng đề nghị khen thưởng theo tỷ lệ không quá 10% tập thể, 5% cá nhân (đối tượng trực tiếp tham gia phong trào);

b) Tham gia các phong trào thi đua chuyên đề theo Kế hoạch và Hướng dẫn sơ kết, tổng kết khen thưởng của Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương. Số lượng

và tiêu chuẩn khen thưởng căn cứ vào quy định của Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương. Trường hợp không quy định số lượng thì được tính theo tỷ lệ 50% quy định tại điểm a Khoản này;

c) Đạt thành tích xuất sắc được bình xét khi sơ kết, tổng kết các Nghị quyết, Quyết định, Chương trình, Đề án của thành phố hoặc Trung ương. Số lượng đề nghị khen thưởng theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này. Tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng phải có ít nhất 2/3 thời gian trực tiếp tham gia triển khai thực hiện Nghị quyết, Quyết định, Chương trình, Đề án;

d) Tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp cho quá trình xây dựng và phát triển của cơ quan cấp thành phố, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn thành phố, các xã, phường, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế tham gia thi đua tại thành phố, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố, nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập đơn vị, địa phương từ 10 năm trở lên vào các năm tròn (số năm kỷ niệm có chữ số cuối cùng là "0"). Riêng đối với cá nhân phải có thời gian công tác tại đơn vị, địa phương từ 10 năm trở lên tính đến thời điểm đề nghị khen thưởng;

đ) Cá nhân có thành tích xuất sắc, tham gia đủ nhiệm kỳ và không tham gia ứng cử trong nhiệm kỳ mới của các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp thành phố hoặc tập thể, cá nhân là gương điển hình tiên tiến được lựa chọn báo cáo tham luận tại Đại hội nhiệm kỳ mới;

e) Công nhân, nông dân, người lao động đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Công nhân, người lao động có sáng kiến mang lại lợi ích trị giá từ 100 triệu đồng trở lên cho doanh nghiệp và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

- Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ 05 lượt hộ nông dân giảm nghèo và tạo việc làm cho tối thiểu 10 lao động;

- Lập được thành tích trong lao động, sản xuất, công tác có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn xã, phường, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã và được Ủy ban nhân dân xã, phường, cơ quan, đơn vị tặng Giấy khen 02 năm liên tục;

g) Không khen thưởng các chuyên đề công tác khi không có kế hoạch, chủ trương khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;

h) Việc khen thưởng vào dịp sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua do cơ quan Trung ương phát động, Đại hội nhiệm kỳ mới của các tổ chức chính trị - xã hội, các hội phải được Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất bằng văn bản.

3. Khen thưởng đột xuất:

a) Tập thể, cá nhân mưu trí, dũng cảm, trực tiếp tham gia chiến đấu nhằm bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án đặc biệt nghiêm trọng;

b) Cá nhân đã tố cáo, tích cực cộng tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi vi phạm pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng;

c) Tập thể, cá nhân lập được nhiều thành tích trong công tác phòng chống thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tìm kiếm cứu nạn;

d) Cá nhân có hành động, nghĩa cử cao đẹp, cứu giúp người, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của Nhân dân; gương người tốt việc tốt có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn thành phố;

đ) Tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị đột xuất, ngoài kế hoạch do Trung ương hoặc thành phố giao;

e) Các tập thể là cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn thành phố; cá nhân đang công tác, học tập tại các cơ quan, đơn vị, trường học trên địa bàn thành phố được Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố cử (hoặc có văn bản đồng ý) tham gia hội thi, các giải thi đấu trên tất cả các lĩnh vực, cụ thể:

- Đạt giải khuyến khích (tương đương) trở lên tại các hội thi quốc tế;
- Đạt giải đặc biệt, giải nhất, nhì, ba (tương đương) tại các hội thi cấp khu vực, quốc gia;
- Đạt giải nhất (tương đương) tại các hội thi cấp thành phố;
- Cá nhân trực tiếp bồi dưỡng, huấn luyện thí sinh, vận động viên đạt giải nhất (hoặc tương đương) tại các hội thi quốc tế;
- Trong một hội thi nếu một tập thể hoặc một cá nhân tham dự và đạt giải cao ở nhiều nội dung thì chỉ xét tặng hình thức khen thưởng cho thành tích cao nhất.

g) Tập thể, cá nhân, hộ gia đình có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội trị giá từ 350 triệu đồng trở lên đối với tập thể; 150 triệu đồng trở lên đối với cá nhân và hộ gia đình. Riêng các đơn vị tham gia đóng góp tài trợ các công trình, sự kiện lớn của thành phố (Lễ hội, Tết) phải trị giá từ 01 tỷ đồng trở lên;

h) Tập thể, cá nhân, hộ gia đình vận động đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội trị giá từ 500 triệu đồng trở lên.

4. Khen thưởng đối ngoại:

Tập thể, cá nhân người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có nhiều đóng góp trong xây dựng, củng cố tình đoàn kết, hữu nghị, hợp tác góp phần phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của thành phố hoặc có nhiều đóng góp trong công tác từ thiện nhân đạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Trước khi trình khen thưởng phải lấy ý kiến Công an thành phố, Sở Ngoại vụ và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng.

Điều 9. Tiêu chuẩn xét tặng Giấy khen

1. Việc tặng giấy khen cho tập thể, hộ gia đình, cá nhân thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 75 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Giấy khen đề tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, xét tặng cho tập thể, hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm trở lên;

b) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua, chuyên đề do cơ quan, đơn vị thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác phát động;

c) Lập được thành tích đột xuất có ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác;

d) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo của cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Giấy khen đề tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, xét tặng cho tập thể đạt giải tại các hội thi (trừ các trường hợp được quy định tại điểm e khoản 3 Điều 8 Quy định này).

Chương IV

HỒ SƠ, THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG VÀ CÔNG NHẬN MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ

Điều 10. Quy định chung về hồ sơ, thủ tục khen thưởng

1. Danh hiệu thi đua được bình xét và đề nghị từ cấp cơ sở thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác. Cấp quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, quỹ lương hoặc người đứng đầu doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Khi họp xét danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân thành phố, Chiến sĩ thi đua thành phố, Chiến sĩ thi đua cơ sở, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp phải tiến hành bỏ phiếu kín.

Tập thể, cá nhân được đề nghị tặng danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân thành phố phải có tỷ lệ 80% phiếu đồng ý, Chiến sĩ thi đua thành phố phải có tỷ lệ 90% phiếu đồng ý trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng hoặc cụm, khối thi đua đối với Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân thành phố. Kết

quả và tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng, của cụm, khối thi đua phải được thể hiện trong Biên bản họp xét thi đua, khen thưởng.

3. Khi trình cấp có thẩm quyền, cơ quan, đơn vị, địa phương gửi bản giấy (bản chính) của hồ sơ khen thưởng đồng thời gửi các tệp tin điện tử (file word và file pdf) đến Sở Nội vụ qua phần mềm “Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành” (trừ các thủ tục hành chính công và văn bản có nội dung bí mật Nhà nước). Hồ sơ khen thưởng chỉ được tiếp nhận khi Sở Nội vụ nhận được bản giấy (bản chính) của hồ sơ và các tệp tin điện tử của hồ sơ theo đúng quy định.

4. Sở Nội vụ tiếp nhận hồ sơ và thẩm định trên cơ sở các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ đề nghị khen thưởng do cơ quan, đơn vị, địa phương lập gồm: hồ sơ, quy trình, thủ tục, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, trình cấp có thẩm quyền.

Điều 11. Quy định về lấy ý kiến để khen thưởng

1. Sở Nội vụ thực hiện việc xin ý kiến các cơ quan liên quan trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng hoặc cho ý kiến trình cấp có thẩm quyền khen thưởng. Trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan, đơn vị, địa phương được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thời gian trả lời, nội dung cho ý kiến (trường hợp nhiệm vụ được giao có thời gian ngắn thì có thể thời gian lấy ý kiến ngắn hơn theo từng văn bản cụ thể). Hết thời hạn xin ý kiến, nếu cơ quan được xin ý kiến không có văn bản trả lời, Sở Nội vụ trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác và người đứng đầu doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác; đơn vị sự nghiệp có thu và người đứng đầu đơn vị sự nghiệp có thu trước khi đề nghị khen thưởng: lấy ý kiến các đơn vị liên quan về việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, chế độ bảo hiểm cho công nhân, người lao động, đảm bảo môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh và an toàn vệ sinh lao động; xác nhận của công an phường, xã và chính quyền địa phương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở và nơi cá nhân cư trú.

3. Sở Nội vụ công khai danh sách cá nhân, tập thể, hộ gia đình đề nghị xét tặng Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc trên Cổng thông tin điện tử thành phố ít nhất 10 ngày làm việc trước khi họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố (trừ những danh hiệu có quy định riêng của Chính phủ và những trường hợp đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản).

Điều 12. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 79 Luật Thi đua, khen thưởng nộp tại Sở Nội vụ, gồm 01 bộ (bản chính):

a) Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, gồm:

- Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua;

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng, có xác nhận của cấp trình khen thưởng;

- Biên bản bình xét thi đua của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng hoặc Biên bản bình xét thi đua và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng trong trường hợp đề nghị danh hiệu thi đua Chiến sĩ thi đua thành phố, Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân thành phố;

- Quyết định công nhận hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về hiệu quả của sáng kiến đã được áp dụng và có khả năng nhân rộng trong thành phố đối với trường hợp đề nghị Chiến sĩ thi đua thành phố hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong thành phố đối với trường hợp đề nghị Chiến sĩ thi đua thành phố;

- Các văn bản liên quan để minh chứng thành tích (nếu có).

b) Hồ sơ đề nghị xét tặng hình thức khen thưởng, gồm:

- Tờ trình đề nghị xét tặng hình thức khen thưởng;

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng, có xác nhận của cấp trình khen thưởng;

- Biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng;

- Các văn bản liên quan để minh chứng thành tích và ý kiến của cơ quan liên quan (nếu có);

- Đối với thành tích đột xuất xuất sắc, Báo cáo thành tích cần nêu rõ các đóng góp vào sự phát triển của Ngành, kinh tế - xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo; phát minh, sáng chế, sáng kiến, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và có các minh chứng kèm theo (như: chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với thành tích xuất sắc đột xuất).

2. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 80 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 59 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, hồ sơ nộp tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã, gồm 01 bộ (bản chính):

a) Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, gồm:

- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách cá nhân được đề nghị tặng danh hiệu thi đua của phòng, ban, đơn vị thuộc cơ quan, đơn vị thành phố; cấp xã; tổ chức kinh tế;

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân;

- Biên bản bình xét thi đua của tập thể/đơn vị trình khen thưởng;

- Quyết định công nhận hoặc văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; công nhận hiệu quả áp

dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ trường hợp đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

b) Hồ sơ đề nghị xét tặng hình thức khen thưởng, gồm:

- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng của phòng, ban, đơn vị thuộc cơ quan, đơn vị thành phố; cấp xã; tổ chức kinh tế;

- Báo cáo thành tích do tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng làm, trong đó ghi rõ thành tích để đề nghị khen thưởng;

- Biên bản xét khen thưởng của tập thể/đơn vị trình khen thưởng.

3. Khen thưởng theo thủ tục đơn giản

a) Việc đề nghị xét tặng hình thức khen thưởng theo thủ tục đơn giản được áp dụng đối với các trường hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 85 Luật Thi đua, khen thưởng;

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản có 01 bộ (bản chính), gồm:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng;

- Báo cáo tóm tắt thành tích của cá nhân, tập thể, hộ gia đình hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp (theo Mẫu số 06, 07, 08, 09 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này).

Điều 13. Hồ sơ, thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Áp, khu vực văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu”

Thực hiện theo quy định Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành và quy định của Ủy ban nhân dân thành phố về tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Áp, khu vực văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu”.

Điều 14. Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể

1. Công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân

a) Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cá nhân thực hiện theo quy định của Đảng về kiểm điểm và đánh giá xếp loại chất lượng hàng năm đối với cá nhân trong hệ thống chính trị; Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức; Nghị định của Chính phủ; quy định của Bộ Nội vụ, của thành phố và các quy định khác có liên quan;

b) Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cá nhân thuộc tổ chức kinh tế và tổ chức khác thực hiện theo quy định của tổ chức kinh tế và quy định của pháp luật hiện hành.

2. Công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ tập thể

a) Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với tổ chức trong hệ thống chính trị được thực hiện theo quy định của Đảng về kiểm điểm và đánh giá

xếp loại chất lượng hàng năm đối với tập thể trong hệ thống chính trị, quy định của Bộ Nội vụ, của thành phố và các quy định có liên quan;

b) Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với tổ chức kinh tế và các tổ chức khác được thực hiện theo quy định của tổ chức kinh tế và quy định của pháp luật hiện hành.

Chương V

THỦ TỤC CẤP ĐỔI, CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG; THỦ TỤC HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG, THU HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG VÀ TIỀN THƯỞNG

Điều 15. Thủ tục cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng cấp thành phố có 01 bộ (bản chính), gồm:

a) Công văn đề nghị cấp đổi, cấp lại của tập thể hoặc đơn đề nghị cấp đổi, cấp lại của cá nhân, hộ gia đình khi có hiện vật khen thưởng bị hư hỏng không còn giá trị sử dụng và hư hỏng vì lý do khách quan như thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn hoặc do in sai bằng kèm theo hiện vật khen thưởng đề nghị cấp đổi, cấp lại;

b) Công văn đề nghị cấp đổi, cấp lại của cơ quan, đơn vị kèm danh sách (Mẫu 1, 3 Phụ lục II kèm theo Quy định này) gửi Sở Nội vụ đề nghị cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng cấp thành phố.

2. Thủ tục cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng cấp thành phố:

a) Tập thể có Công văn, cá nhân, hộ gia đình có đơn đề nghị cấp đổi, cấp lại (Mẫu 1, 2 Phụ lục II kèm theo Quy định này) gửi cơ quan, đơn vị đã trình khen thưởng cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình kèm theo hiện vật khen thưởng đối với trường hợp đề nghị cấp đổi và quyết định khen thưởng hoặc giấy tờ chứng minh thành tích đối với trường hợp đề nghị cấp lại;

b) Cơ quan, đơn vị đối chiếu với hồ sơ lưu, xác nhận, tổng hợp và gửi công văn đề nghị cấp đổi, cấp lại kèm theo danh sách (Mẫu 1, 3 Phụ lục II kèm theo Quy định này) và hiện vật khen thưởng cũ, hư hỏng gửi Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, cấp đổi, cấp lại;

c) Xác nhận khen thưởng và thực hiện cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng:

- Căn cứ Công văn đề nghị cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng của cơ quan, đơn vị, Sở Nội vụ tra cứu, xác nhận khen thưởng và thực hiện cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng; đồng thời thu lại hiện vật khen thưởng cũ hỏng;

- Hiện vật cấp đổi, cấp lại do Sở Nội vụ mua sắm, in ấn theo mẫu quy định. Riêng các hình thức khen thưởng cấp thành phố trước đây (hiện nay không quy định trong Luật Thi đua, khen thưởng) thì cấp theo mẫu tại thời điểm tập thể, cá

nhân được quyết định khen thưởng. Hiện vật khen thưởng cấp đổi, cấp lại thực hiện với Bằng khen và danh hiệu thi đua, kỷ niệm chương;

- Mẫu bằng cấp đổi, cấp lại in theo thiết kế tại thời điểm tập thể, cá nhân, hộ gia đình được khen thưởng, trong đó: câu thành tích viết theo quyết định khen thưởng, phía dưới bên phải bằng in sẵn mẫu con dấu và chữ ký của người có thẩm quyền khen thưởng tại thời điểm đó; phía dưới bên trái bằng ghi “Quyết định khen thưởng số, ngày, tháng, năm, số sổ vàng” và ghi “chứng nhận cấp đổi bằng số, ngày, tháng, năm” của cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng. Tập thể, cá nhân, hộ gia đình khi được cấp đổi, cấp lại bằng sẽ được nhận kèm theo giấy chứng nhận cấp đổi (Mẫu 4 Phụ lục II kèm theo Quy định này);

- Mẫu bằng cấp đổi, cấp lại thực hiện theo mẫu bằng quy định hiện hành. Sở Nội vụ tổng hợp danh sách, xác nhận, đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố đóng dấu bằng.

3. Sở Nội vụ thực hiện cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng trong vòng 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được Công văn đề nghị cấp đổi, cấp lại của đơn vị.

Điều 16. Thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Tập thể, cá nhân có hành vi thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật Thi đua, khen thưởng bị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc cá nhân, tập thể có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật Thi đua, khen thưởng thì cơ quan, đơn vị trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền ban hành quyết định hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 79 Luật Thi đua, khen thưởng (01 bộ bản chính) gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, đơn vị đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình;

b) Báo cáo tóm tắt của cơ quan, đơn vị trực tiếp trình khen thưởng về lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (kèm theo: Quyết định khen thưởng; Quyết định kỷ luật hoặc các văn bản khác liên quan).

4. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 80 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 59 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ (01 bộ, bản chính) gồm:

a) Tờ trình của phòng, ban, đơn vị đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình;

b) Báo cáo tóm tắt của phòng, ban, đơn vị trực tiếp trình khen thưởng về lý do trình hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (kèm theo Quyết định khen thưởng).

5. Sở Nội vụ tổng hợp hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hủy bỏ Quyết định khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. Bộ phận thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương tổng hợp hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương.

Thời gian xử lý hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trong thời hạn 10 ngày làm việc từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

6. Hồ sơ Sở Nội vụ trình cấp có thẩm quyền, gồm: Tờ trình của Sở Nội vụ kèm theo hồ sơ được quy định tại khoản 3 Điều này.

7. Thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng cấp thành phố

a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, tập thể, cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm nộp lại đầy đủ hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận cho cơ quan, đơn vị nơi đã trình khen thưởng và chi tiền thưởng cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình;

b) Cơ quan, đơn vị trình khen thưởng chịu trách nhiệm đôn đốc tập thể, cá nhân, hộ gia đình nộp lại hiện vật khen thưởng đã nhận đúng thời hạn và gửi về Sở Nội vụ trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hiện vật thu hồi; tiền thưởng bị thu hồi được nộp về bộ phận kế toán của cơ quan, đơn vị nơi chi tiền thưởng để nộp vào ngân sách nhà nước hoặc quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định;

c) Sở Nội vụ có trách nhiệm đôn đốc các cơ quan, đơn vị tổ chức thu hồi hiện vật khen thưởng đã nhận.

8. Thu hồi hiện vật và tiền thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khác

a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định hủy bỏ danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của cấp có thẩm quyền, tập thể, cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm nộp lại đầy đủ hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận cho cơ quan, đơn vị nơi đã trình khen và chi tiền thưởng cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình;

b) Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có trách nhiệm đôn đốc tập thể, cá nhân, hộ gia đình nộp lại hiện

vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận đúng thời hạn và tổ chức thu hồi theo quy định.

Điều 17. Tiền thưởng

Tiền thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 49, Điều 50 và Điều 54 của Nghị định số 152/2025/NĐ-CP hoặc các văn bản quy định chuyên ngành. Đối với tập thể, cá nhân, gia đình được khen thưởng cấp thành phố về thành tích đóng góp kinh phí, đất đai, tài sản cho địa phương, xã hội thì được tặng biểu trưng của Ủy ban nhân dân thành phố thay cho tiền thưởng.

Chương VI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG THÀNH PHỐ

Điều 18. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố (Viết tắt là Hội đồng) là cơ quan do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thành lập, có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Hội đồng có không quá 04 Phó Chủ tịch. Giám đốc Sở Nội vụ làm Phó Chủ tịch thường trực. Chủ tịch Hội đồng quyết định cơ cấu, thành phần các thành viên Hội đồng; ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng.

3. Hội đồng có các nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn; tổ chức thi đua theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng;

c) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố kiểm tra các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng;

d) Tham mưu, tư vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định tặng thưởng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng;

đ) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố làm việc theo Quy chế do Chủ tịch Hội đồng ban hành.

4. Sở Nội vụ là Cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố.

Điều 19. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị thành phố và xã, phường

1. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị thành phố

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị thành phố tham mưu, tư vấn cho Cấp ủy, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng;

b) Thành phần Hội đồng gồm: Hội đồng có ít nhất 09 thành viên. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị là Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng là đại diện tổ chức đoàn thể (nếu có), một số lĩnh vực chuyên môn cần thiết của cơ quan, đơn vị và công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị. Chủ tịch Hội đồng quyết định cụ thể thành viên Hội đồng;

c) Nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

- Tham mưu Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

- Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng; sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng;

- Tham mưu Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định;

- Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị.

d) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị thành phố hoạt động theo quy chế và quy định của pháp luật;

đ) Văn phòng hoặc Phòng Hành chính - Tổng hợp của cơ quan, đơn vị thành phố là Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị.

2. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xã, phường

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xã, phường là cơ quan tham mưu cho Cấp ủy, Ủy ban nhân dân xã, phường về công tác thi đua, khen thưởng của địa phương;

b) Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xã, phường: Hội đồng có từ 07 đến 09 thành viên, Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, các Phó Chủ tịch và thành viên do Chủ tịch Hội đồng quyết định;

c) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xã, phường:

- Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

- Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng;

- Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp trên khen thưởng;

- Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xã, phường.

d) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xã, phường hoạt động theo quy chế và quy định của pháp luật;

đ) Phòng Văn hóa - Xã hội xã, phường làm nhiệm vụ Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xã, phường.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các ngành, các cấp thực hiện Quy định này và theo dõi, tổng hợp những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thành phố; doanh nghiệp; hợp tác xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường chịu trách nhiệm chỉ đạo phổ biến, tổ chức thực hiện Quy định này trong cơ quan, đơn vị, địa phương và Nhân dân trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

3. Các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn thành phố căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và vận dụng Quy định này để thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng; tổ chức xây dựng các phong trào thi đua, phát hiện và bồi dưỡng nhân rộng điển hình tiên tiến ở cơ quan, đơn vị.

4. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và địa phương trên địa bàn thành phố.

Điều 21. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, đề nghị các cơ quan, đơn vị và địa phương phản ánh về Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố (Sở Nội vụ) để nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.